

Chương 4: KẾ TOÁN THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG

TỔNG QUAN VỀ THANH TOÁN QUA NHTM

Các khái niệm về thanh toán

- Thanh toán qua ngân hàng:
 - Tập hợp
 - Các khoản:
 - + Chi trả tiền hàng hoá, dịch vụ
 - + Cho, gửi, biểu, tặng...
 - Giữa các cá nhân và tổ chức trong nền kinh tế
 - Thông qua vai trò trung gian của ngân hàng

Các khái niệm về thanh toán

- Thanh toán không dùng tiền mặt
 - Sự vận động của tiền tệ
 - Qua chức năng phương tiện thanh toán
 - Được thực hiện qua bút toán ghi sổ, bằng cách
 - + Trích chuyển từ tài khoản này sang tài khoản khác
 - + Bù trừ lẫn nhau
 - Thông qua vai trò trung gian của ngân hàng

Vai trò của thanh toán qua ngân hàng

- **Đối với khách hàng**
 - An toàn
 - Thuận tiện
 - Nhanh chóng, góp phần tăng nhanh vòng quay vốn
- **Đối với ngân hàng**
 - Thu nhập từ phí dịch vụ thanh toán
 - Nguồn vốn trong thanh toán
 - Thông tin tiếp thị các sản phẩm, dịch vụ khác
- **Đối với nền kinh tế**
 - Giảm thiểu chi phí lưu thông tiền mặt
 - Tăng cường quản lý vĩ mô
 - Thúc đẩy tốc độ chu chuyển vốn trong nền kinh tế
 - Căn cứ hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ

Tài khoản sử dụng

- Tiền gửi của NH tại NHNN 1113 (VNĐ), 1123 (NT)
- Tiền gửi thanh toán của khách hàng 4211
- Thanh toán bù trừ 5012
- Thanh toán điều chuyển vốn giữa các chi nhánh trong cùng hệ thống NHTM 5191
- Thanh toán Thu hộ, Chi hộ giữa các TCTD tham gia vào hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng 5192

TK trong thanh toán (5012,5191,5192)

- Phản ảnh hoạt động thanh toán của NH theo các phương thức thanh toán khác nhau
- Bên Có: số tiền nhận hộ/thu hộ các đơn vị NH khác
- Bên Nợ: Số tiền chi hộ/trả hộ các đơn vị NH khác
- Dư Có: Chênh lệch thu hộ nhiều hơn chi hộ [chiếm dụng được vốn]
- Dư Nợ: Chênh lệch chi hộ nhiều hơn thu hộ [bị chiếm dụng vốn]

Chú ý: Về phạm vi thanh toán

Theo truyền thống, thanh toán qua ngân hàng gồm 4 phạm vi

1. Thanh toán giữa 2 khách hàng có giao dịch tại cùng một đơn vị ngân hàng/chi nhánh ngân hàng
2. Thanh toán giữa 2 khách hàng có giao dịch tại hai đơn vị ngân hàng/chi nhánh ngân hàng thuộc cùng địa bàn tỉnh/thành phố
3. Thanh toán giữa 2 khách hàng có giao dịch tại hai đơn vị ngân hàng/chi nhánh ngân hàng thuộc cùng hệ thống ngân hàng thương mại
4. Thanh toán giữa 2 khách hàng có giao dịch tại hai đơn vị ngân hàng/chi nhánh ngân hàng khác địa bàn, khác hệ thống ngân hàng thương mại

Chú ý (tiếp)

- Trong điều kiện hiện nay, hoạt động thanh toán đang ở giai đoạn quá độ.
- Khi cả hệ thống ngân hàng cùng phát triển ở mức độ cao, thanh toán qua ngân hàng chỉ còn 2 phạm vi
 - Thanh toán cùng hệ thống NHTM
 - Thanh toán khác hệ thống NHTM

Chú ý (tiếp)

Trên cơ sở phạm vi thanh toán, thanh toán giữa các chi nhánh NH có 3 phương thức thanh toán sau:

- Phương thức thanh toán bù trừ

Gồm bù trừ giấy và bù trừ điện tử. Công nghệ dù hiện đại thì vẫn tồn tại bù trừ giấy vì một số chứng từ không thể chuyển thành chứng từ điện tử.

Sử dụng khi 2 chi nhánh NHTM cùng nằm trên một tỉnh, thành phố

Sử dụng TK 5012

- Phương thức chuyển tiền điện tử nội bộ

Sử dụng khi 2 chi nhánh NHTM cùng thuộc một hệ thống NHTM

Sử dụng TK 5191

Chú ý (tiếp)

- Phương thức thanh toán liên ngân hàng Sử dụng khi 2 chi nhánh NHTM nằm trên 2 tỉnh, thành phố và không cùng hệ thống. Gồm TTLNH thủ công và điện tử.

Sử dụng TK 5192.

Việt nam: đến 2010 toàn bộ các NHTM thực hiện thanh toán điện tử LNH.

KẾ TOÁN CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUA NHTM

**UNC: Khái niệm, điều kiện
áp dụng, phạm vi áp dụng, thực tiễn**

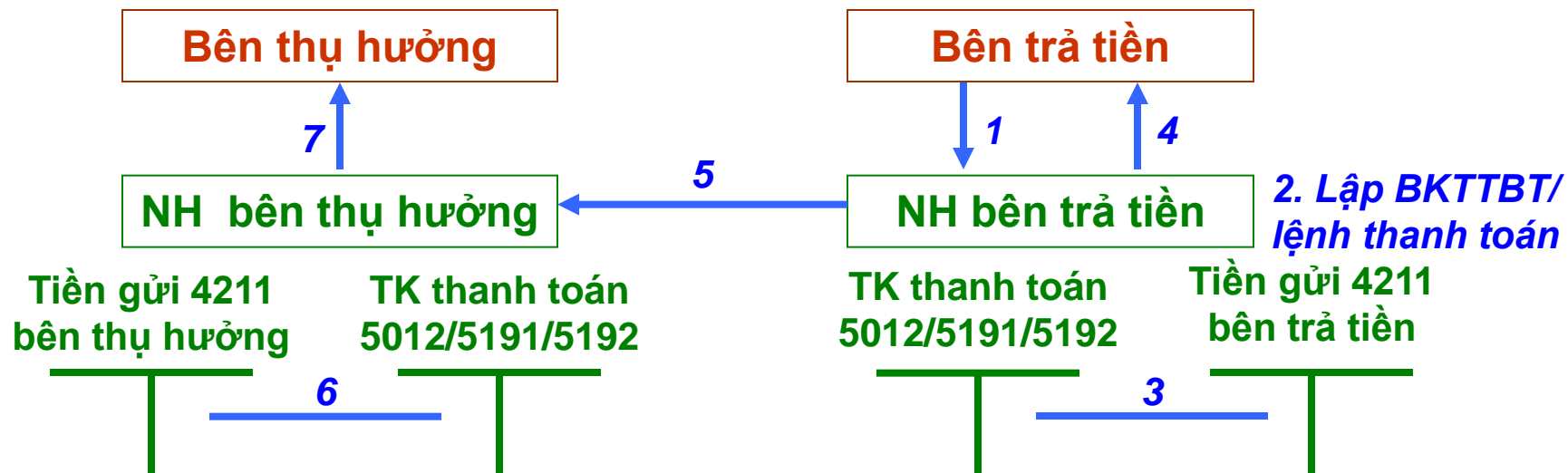
**Yêu cầu của bên trả tiền đề nghị ngân hàng trích
tiền từ TK của mình chuyển đến địa chỉ xác định**

**Bên thụ hưởng tín nhiệm bên trả tiền
về phương diện thanh toán**

**Áp dụng rộng rãi đối với 2 KH
bất kỳ trong toàn quốc**

**Chiếm ưu thế tuyệt đối trong TTKDTM
Vì thuận tiện, dễ dàng và các lý do khác quan**

Kế toán thanh toán Ủy Nhiệm Chi



1. Lập UNC gửi vào NH (4 liên)

4. NH gửi báo Nợ cho KH

5. Gửi bảng kê thanh toán bù trừ cùng UNC/ lệnh thanh toán sang NH thụ hưởng

7. NH gửi báo Có cho KH

Bài tập

Ngày 30/1/2008, tại NHCT Đồng đa HN phát sinh các nghiệp vụ:

1. Cty A đưa đến NH bộ UNC số tiền 15 tr, thanh toán cho Cty B có TK tại NHNT Thanh hóa.
2. NH nhận được Lệnh chuyển tiền về bộ UNC 19 tr, thanh toán cho cty C.
3. NH nhận được Lệnh chuyển tiền về bộ UNC chuyển tiền cho ông D 7 triệu.
4. Cty E đưa đến NH bộ UNC 10 tr thanh toán cho cty F có TK tại NHCT Hai bà trưng HN.

Biết: cty A, cty C, cty E là KH của NHCT Đồng đa.

UNT: Khái niệm, điều kiện
áp dụng, phạm vi áp dụng, thực tiễn

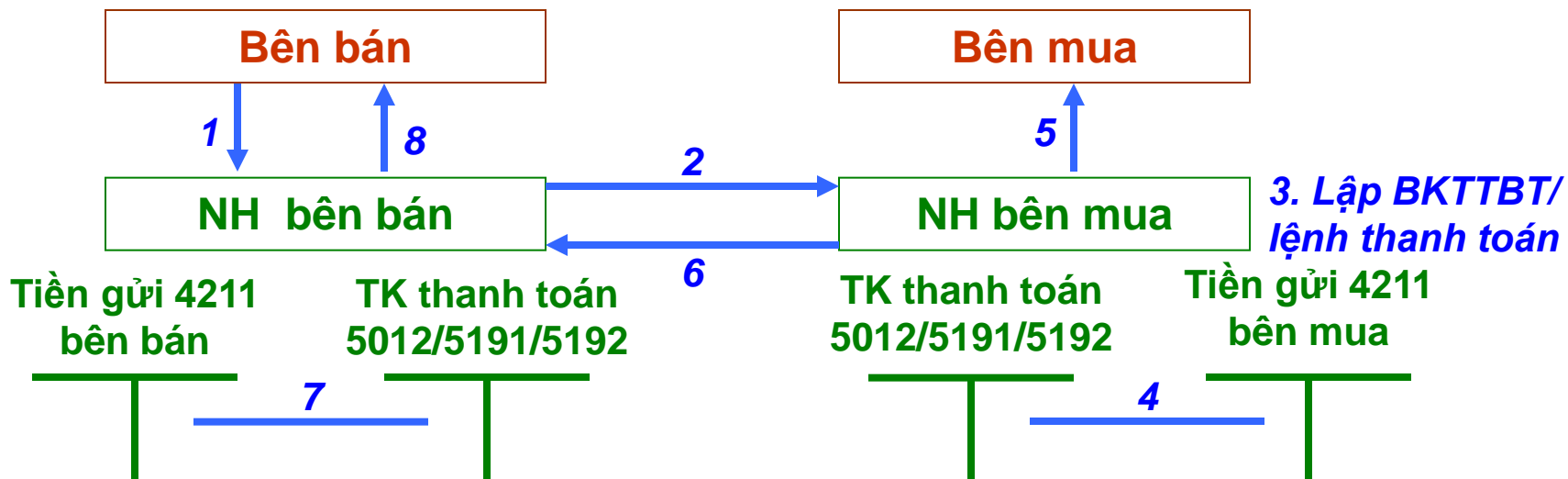
**Yêu cầu của bên bán đối với ngân hàng nhờ
thu hộ tiền hàng hoá, dịch vụ đã cung ứng**

**Quan hệ mua bán hàng hoá dịch vụ
Phải có chấp nhận thanh toán của bên mua**

**Áp dụng rộng rãi đối với 2 bên mua bán
có TK tại NH trong toàn quốc**

**Chiếm tỷ trọng thanh toán rất nhỏ
Vì ít thuận tiện, khó áp dụng**

Kế toán thanh toán Ủy Nhiệm Thu



1. Lập UNT gửi vào NH (4 liên)
2. NH bên bán gửi bộ UNT sang NH bên mua
3. Lập kê thanh toán bù trừ / lệnh thanh toán (**lệnh chuyển CÓ**)
5. NH gửi báo Nợ cho KH
6. Gửi bảng kê thanh toán bù trừ cùng UNT/ lệnh thanh toán sang NH bên bán
8. NH gửi báo Có cho KH

Bài tập

Trong 2 tuần đầu của tháng 1/2008, tại NHCT Hai bà Trưng HN có các nghiệp vụ sau:

1. NH nhận được lệnh chuyển tiền về bộ UNT 4 tr thanh toán cho cty H. H có TK tại NHCT HBT.
2. Cty A có TK tại NH đưa đến NH bộ UNT đòi tiền cty B có TK tại NHCT B tỉnh khác.

Séc chuyển khoản: Khái niệm, điều kiện áp dụng, phạm vi áp dụng, thực tiễn

Lệnh thanh toán của chủ TK đối với NH, lập trên mẫu in sẵn, yêu cầu NH trả tiền cho đchỉ xác định

Bên thụ hưởng tín nhiệm bên trả tiền về phương diện thanh toán

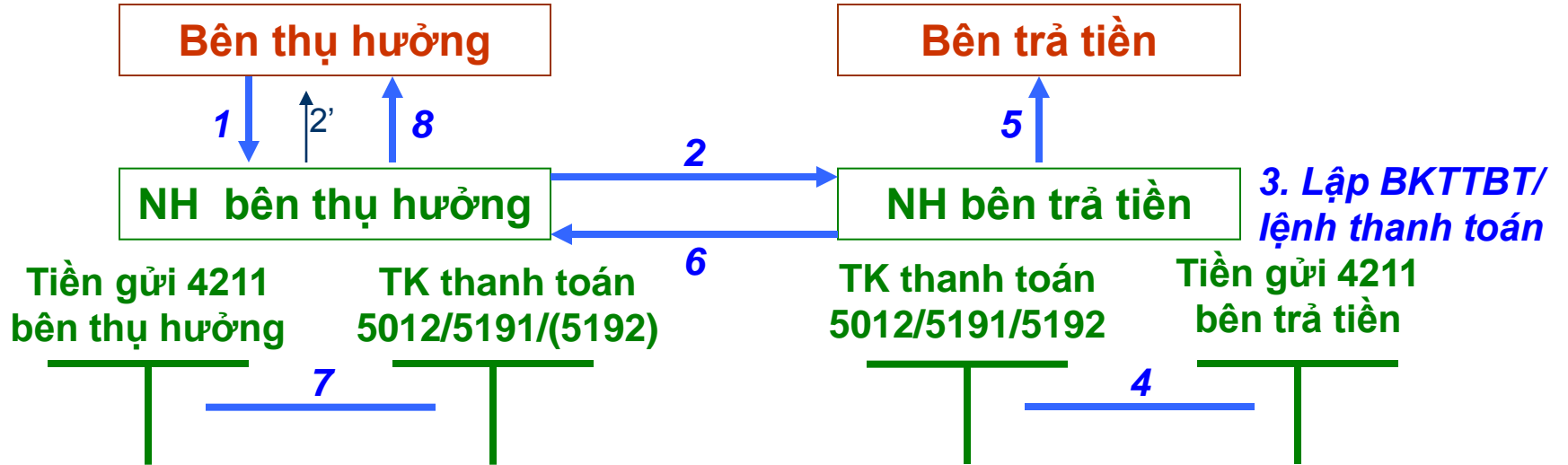
Tùy thuộc điều kiện công nghệ của các ngân hàng thương mại

Tỷ trọng thanh toán nhỏ. **Vì thực tế mới áp dụng trong địa bàn tỉnh/thành phố**

Kế toán thanh toán séc chuyển khoản – 2 KH có TK ở cùng chi nhánh NHTM

- B1. Bên trả tiền thanh toán cho bên thụ hưởng bằng SCK
- B2. Bên thụ hưởng nộp SCK cùng Bảng kê nộp séc (3 liên) vào NH
- B3. NH kiểm tra và trả lại cho bên thụ hưởng 1 liên BKNS rồi hạch toán
 - Nợ 4211.TT
 - Có 4211.TH
- B4. NH báo có cho bên thụ hưởng.

Kế toán thanh toán Séc chuyển khoản



1. Lập bảng kê nộp séc (3 liên) gửi cùng SCK vào NH nhờ thu hộ
2. NH bên thụ hưởng gửi SCK cùng BKNS sang NH bên trả tiền (Nợ trước Có sau)
5. NH gửi báo Nợ cho KH
6. Gửi bảng kê thanh toán bù trừ cùng BKNS/ lệnh thanh toán sang NH thụ hưởng
8. NH gửi báo Có cho KH

Bài tập tổng hợp

Ngày 22 tháng 4 năm 2006, tại CNNHCT Hoàn Kiếm, các nghiệp vụ sau đây đã phát sinh:

1. Công ty A nộp bộ UNC 10 triệu, trả tiền cho công ty B có TKTG tại cùng CNNHCT Hoàn Kiếm.
2. Công ty C nộp bộ UNC 20 triệu, trả tiền cho công ty D có TKTG tại CN VPBank Hà Nội.
3. Công ty E nộp SCK cùng BKNS, số tiền 30 triệu, séc do công ty F có TKTG tại CN NH Hàng Hải HN phát hành.
4. Tổ thanh toán bù trừ đem về:
 - UNT 3 triệu do công ty M lập, đòi tiền công ty A.
 - SCK cùng BKNS, số tiền 20 triệu, séc do công ty A phát hành, trả tiền cho công ty D.

Yêu cầu: Xử lý và hạch toán các nghiệp vụ nêu trên vào TK thích hợp, biết rằng các chứng từ NH Hoàn Kiếm nhận được đều đúng địa chỉ, hợp pháp, hợp lệ và các tài khoản liên quan đủ số dư để thanh toán.

Gợi ý

- Với các bài tập liên quan đến nghiệp vụ thanh toán, nên đọc câu mở đầu và yêu cầu trước, sau đó mới đọc tiếp phần các nghiệp vụ phát sinh.
- Sau đó, xác định vị trí ngân hàng đang xử lý nghiệp vụ để hiểu ngân hàng mình đang phục vụ khách hàng trả tiền hay khách hàng thụ hưởng.
- Để xử lý trọn vẹn 1 nghiệp vụ, đặt ra 4 câu hỏi
 - Có phải lập thêm chứng từ/lệnh thanh toán không?
 - Định khoản?
 - Báo Nợ, báo Có cho khách hàng?
 - Có phải chuyển chứng từ, lệnh thanh toán không?

Séc bảo chi: Khái niệm, điều kiện áp dụng, phạm vi áp dụng, thực tiễn

Séc chuyển khoản được NH đảm bảo chi trả qua việc ký, đóng dấu vào séc

Bên thụ hưởng **không** tín nhiệm bên trả tiền về phương diện thanh toán

Tùy thuộc điều kiện công nghệ của các ngân hàng thương mại

Tỷ trọng thanh toán nhỏ
Vì thủ tục phức tạp

Kế toán thanh toán séc bảo chi

- Thủ tục bảo chi séc

B1. KH nộp séc và **UNC** vào NH. NH kiểm tra số dư trên TK và chứng từ.

B2. NH trích tiền từ TK của KH sang TK tiền gửi ký quỹ. Hạch toán

Nợ 4211

Có 4271.01

Sau đó NH đóng dấu vào góc dưới bên trái tờ séc.

B3. Trả séc cho KH.

Kế toán thanh toán séc bảo chi – 2 KH có TK tại cùng 1 chi nhánh NHTM

- B1. Bên trả tiền thanh toán cho bên thụ hưởng bằng SBC
- B2. Bên thụ hưởng nộp SBC cùng BKNS vào NHTM
- B3. NH trả lại 1 liên BKNS cho KH và hạch toán
 - Nợ 4271.01
 - Có 4211. TH
- B4. NH gửi báo có cho bên thụ hưởng.

Kế toán thanh toán Séc bảo chi

Tương tự thanh toán SCK nhưng vì SBC đã được đảm bảo chi trả nên không cần thực hiện nguyên tắc nợ trước có sau.

B1. KH thụ hưởng lập BKNS (3 liên), gửi BKNS và SBC đến NH nhờ thu hộ

B2. NH thụ hưởng kiểm tra bộ chứng từ, ký và đóng dấu rồi trả 1 liên BKNS cho KH thụ hưởng.

B3. NH thụ hưởng lập Lệnh thanh toán hoặc BKTTBT và hạch toán
Nợ 5191, 5012
Có 4211.TH

Sau đó gửi báo có cho bên thụ hưởng.

B4. Nh thụ hưởng chuyển Lệnh thanh toán hoặc BKTTBT và BKNS sang NH trả tiền

B5. NH trả tiền kiểm tra rồi hạch toán
Nợ 4271.01.TT
Có 5191, 5012

Bài tập

Ngày 12/1/2008 tại NHCT A có các nghiệp vụ:

1. Cty A đưa đến NH SBC 5 tr do cty Z có TK tại NHĐT Q cùng tham gia thanh toán bù trừ phát hành.
2. NH nhận được Lệnh chuyển tiền về SBC 10 tr do cty D là KH của NHCT A phát hành 7 ngày trước đây.
3. Cty E xin bảo chi tờ séc 10 tr để thanh toán cho cty F có TK tại NHNN ngoại tỉnh.

Thẻ: Khái niệm, phân loại,
phạm vi áp dụng, thực tiễn

**Phương tiện thanh toán do NH phát hành giao
cho KH sử dụng để rút tiền, thanh toán...**

Thẻ ghi nợ, thẻ thanh toán, thẻ tín dụng

Tùy thuộc điều kiện công nghệ của
các ngân hàng thương mại

**Đã và đang rất phát triển
Nhưng chưa thống nhất được hthống**

Tổ chức thanh toán

- Trong 1 hệ thống NHTM
- Giữa các ngân hàng

Lịch sử phát triển hệ thống thanh toán tại Việt Nam

● 3 giai đoạn

I: 1951 - 1993



- Thuần túy thủ công**
- Thư qua bưu điện
 - Điện báo qua bưu điện
 - Telex
- Hệ quả:**
- Thanh toán khác địa bàn: 1 tuần – 1 tháng
 - Quyết toán: 6 tháng

II: 1993 - 2002



- Bước đầu áp dụng thanh toán chuyển tiền điện tử EPS**
- Hệ quả:**
- Trong hệ thống: bước đầu điện tử
 - Khác hệ thống: kết hợp bù trừ giấy & điện tử

III: 2002 - nay



- Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS)**
- Hệ quả:**
- Khác hệ thống: cơ sở XD là các NHTM đã tập trung hoá.
 - Trong hệ thống: tùy thuộc điều kiện từng ngân hàng

Thanh toán trong 1 hệ thống NHTM

- Phi tập trung
 - Mô hình 2 tầng: Trung tâm thanh toán và các chi nhánh ngân hàng đầu/cuối
 - Mô hình 3 tầng: Trung tâm thanh toán, trung tâm xử lý tỉnh, các chi nhánh ngân hàng đầu/cuối
- Tập trung
 - Toàn bộ TK khách hàng tập trung về HSC
 - Trong HT, không còn ranh giới địa lý

Thanh toán giữa các ngân hàng

- Bù trừ
 - Giấy
 - Điện tử
- Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng
 - Tiểu hệ thống thanh toán giá trị cao/khẩn
 - Tiểu hệ thống thanh toán giá trị thấp

Thanh toán bù trừ

- Trung tâm chủ trì bù trừ: NHNN
 - Giữ tài khoản tiền gửi của các thành viên bù trừ
 - Thực hiện quyết toán thanh toán qua tài khoản tiền gửi của các thành viên và tài khoản thanh toán bù trừ mở tại trung tâm chủ trì bù trừ
- Các thành viên bù trừ: các NHTM
 - Chuyển tiền đi, nhận tiền về qua tài khoản tiền gửi tại trung tâm bù trừ và tài khoản thanh toán bù trừ của đơn vị thành viên